

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thú Y; Chuyên ngành: Thú Y

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Hoài Nam

2. Ngày tháng năm sinh: 26-6-1982; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Thanh Mai-huyện Thanh Oai-
Thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành
phố): Nhà số 4, ngách 2, ngõ 6, xóm Hòa Bình, Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 303-V3-KĐT Đặng
Xá, Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại di động: 034.8899.803; E-mail: nguyenhoainam@vnua.edu.vn;
hoainam26061982@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 10/2005 đến 10/2006: Giảng viên tập sự Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Từ 10/2006 đến 12/2020: Giảng viên Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Từ 12/2020 đến nay: Giảng viên chính Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Từ 10/2016 đến 3/2023: Phó Trưởng Bộ môn Ngoại sản, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp
Việt Nam.

Từ 10/2021 đến nay: Phó Trưởng khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Chức vụ cao
nhất đã qua: Phó Trưởng khoa Thú y, Học viện nông nghiệp Việt Nam

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Ngoại sản, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt
Nam.

Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn
nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 5 năm 2005; số văn bằng: C622841; ngành: Thú y; chuyên ngành Thú y; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Nông nghiệp 1, Việt Nam.
- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 9 năm 2010; ngành: Thú y; chuyên ngành: Khoa học sinh sản động vật; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Khon Kaen, Thái Lan.
- Được cấp bằng TS ngày 11 tháng 12 năm 2014; ngành: Thú y; chuyên ngành: Thú y; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Khon Kaen, Thái Lan.
- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Chăn nuôi- Thú y- Thủy sản

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Ngoại khoa thú y
- Sinh lý sinh sản và bệnh sinh sản gia súc

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **0 (Không)** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **06 HVCH/CK2/BSNT** bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **02** cấp Cơ sở.
- Đã công bố **52** bài báo khoa học, trong đó **24** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) **0 (Không)** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **03** trong đó **03** thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **0 (Không)**.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở năm học 2021-2022.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

- Mức độ hoàn thành khối lượng giảng dạy: Ứng viên luôn hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy trong 6 năm gần đây từ năm học 2017-2018 đến năm học 2022-2023.
- Hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên theo quy định hiện hành: Ứng viên luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của giảng viên theo qui định hiện hành.
- Năng lực giảng dạy: Ứng viên có năng lực giảng dạy tốt, luôn cải tiến bài giảng, đưa các kiến thức mới, kết quả nghiên cứu khoa học của mình vào bài giảng.
- Đóng góp khác trong công tác đào tạo: Ứng viên là thành viên nhóm SAR viết báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo Bác sỹ thú y được kiểm định bởi mạng lưới các trường đại học ASEAN năm 2022.
- Năng lực nghiên cứu: Ứng viên có năng lực nghiên cứu tốt, đã chủ trì hai nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở được nghiệm thu đạt hạng khá và tham gia các đề tài các cấp khác.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Kết quả công bố và xuất bản: Ứng viên có năng lực tốt trong xuất bản các kết quả nghiên cứu. Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2022-2023, ứng viên đều đặn xuất bản các bài báo trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước.

- Tổ chức nghiên cứu: Ứng viên có khả năng tổ chức các nghiên cứu, nhóm nghiên cứu. Từ năm 2018 đến nay ứng viên luôn tham gia các nhóm nghiên cứu mạnh, nghiên cứu tinh hoa của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, giữ vai trò là thư ký và luôn hoàn thành vượt định mức so với yêu cầu của cơ sở đào tạo và của các nhóm nghiên cứu.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học: Ứng viên là thành viên tích cực tổ chức các hội thảo khoa học như Hội thảo khoa học sinh sản vật nuôi toàn quốc lần thứ nhất ngày 21-23/4/2017 do Bộ môn Ngoại sản, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam chủ trì. Hàng năm, ứng viên đều tham gia tổ chức Hội thảo khoa học thường kỳ của bộ môn ngoại sản, tham gia tổ chức hội thảo Bệnh lý thú y châu Á lần thứ 9 tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam ngày 07-09/10/2019. Hiện tại, ứng viên tham gia chuẩn bị cho Hội nghị khoa học chăn nuôi-thú y toàn quốc lần thứ V sẽ được tổ chức tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam vào ngày 05-07/10/2023.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm 8 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2 / BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018	\	\	2	19	329		329/785,5/229,5
2	2018-2019	\	\	1	20	325	25	350/970,3/229,5
3	2019-2020	\	\	1	19	992,8	30	1022,8/1672,7/229,5
03 năm học cuối								
4	2020-2021	\	\	1	17	313	25	338/852/229,5
5	2021-2022	\	\	1	12	736,8	35	771,8/1155,5/199,1
6	2022-2023	1	1		10	178	20	198/606,9/189,0

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ và luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Thái Lan năm 2010 và năm 2014.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nội giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/C K2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H/CK 2/BSN T	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Lan Hương		x	x		2017- 2018	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài luận văn số 3588/QĐ- HVN. Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sỹ số 2527/QĐ- HVN.
2	Lê Thị Quý		x	x		2017- 2018	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài luận văn số 5051/QĐ- HVN. Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sỹ số 2527/QĐ- HVN
3	Phạm Thị Thúy Hằng		x	x		2018- 2019	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài luận văn số 2782/QĐ- HVN Bằng thạc sỹ số: 000677, cấp ngày 03 tháng 02 năm 2020.
4	Nguyễn Đại Lợi		x	x		2019- 2020	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài luận văn số 3782/QĐ- HVN Bằng thạc sỹ số 000304, cấp ngày 20 tháng 5 năm 2021
5	Phùng Quang Thần		x	x		2020- 2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài luận văn số 4334/QĐ- HVN Bằng thạc sỹ số 000751, cấp ngày 15 tháng 4 năm 2022.
6	Doãn Phương Anh		x	x		2021- 2022	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài luận văn số 4713/QĐ- HVN.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

							Quyết định đổi tên đề tài 6737/ QĐ-HVN. Bằng thạc sỹ số 001361, cấp ngày 20 tháng 9 năm 2022.
7	Nguyễn Đức Trường	x			x	6/2022 đến nay	Học viện Nông nghiệp Việt Nam Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài số 3386/ QĐ-HVN kí ngày 22/6/2022
8	Thepsavanh Khoudphait houn	x			x	02/2023 đến nay	Học viện Nông nghiệp Việt Nam Quyết định công nhận người hướng dẫn và tên đề tài số 585/ QĐ-HVN kí ngày 08/02/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Bệnh của chó mèo	GT	2012	3	Tham gia	39-48; 123-140	Số 1124/HVN-NXB
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
2	Bệnh Ngoại khoa thú y	GT	2019	3	Tham gia	196-225; 254-326	Số 991/HVN-NXB
3	Phẫu thuật ngoại khoa thú y	GT	2019	4	Tham gia	42-92; 99-118	Số 990/HVN-NXB

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
2					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Ứng dụng sản phẩm Nacurgo trong điều trị vết thương trên chuột nhắt trắng giống Swiss bị tiểu	Đề tài/Chủ nhiệm	T2018-03-26 Cấp cơ sở	1/2018-12/2018	Nghiệm thu ngày 08/3/2019 Xếp loại Khá

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	đường thực nghiệm gây ra bởi alloxan				
2	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố liên quan tới chết lưu ở lợn	Đề tài/Chủ nhiệm	T2020-03-14 Cấp cơ sở	1/2020-12/2020	Nghiệm thu ngày 03/02/2021 Xếp loại Khá
3	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm có nguồn gốc thảo dược phòng và trị bệnh viêm tử cung bò	Đề tài/Tham gia	ĐTĐL.CN - 52/15 Cấp nhà nước	Tháng 12/2015-11/2018	Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu số 342-QĐ BKHCN, kí ngày 21 tháng 02 năm 2019. Xếp loại: Đạt
4	Nghiên cứu cải tạo bò Vàng Việt Nam theo hướng chuyên thịt bằng công nghệ chỉnh sửa gen (CRISPR/Cas9)	Đề tài/Thư ký	ĐTĐL.CN-21/20 Cấp nhà nước	Tháng 3/2020-3/2025	Đang tiến hành

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Characteristics of reproduction of the water buffalo and techniques used to improve their reproductive performance	1	✓	Journal of Science and Development/ ISSN: 1859-0004		11	8(1): 100-110	2010
2	Reproductive disorders in the water buffalo	2	✓	Journal of Science and Development/ ISSN: 1859-0004		1	8(2): 253-258	2010
3	Diagnosis of Neospora caninum	4	✓	Journal of Science and Development/			9(1): 146- 54	2011

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	infection in animals			ISSN: 1859-0004				
4	Epidemiology of Neospora caninum infection in animals	4	√	Journal of Science and Development/ ISSN: 1859-0004			9(1): 28-40	2011
5	Neospora caninum infection in cattle - economic loss, prevention and control	4	√	Journal of Science and Development/ ISSN: 1859-0004		1	10(4): 633-639	2012
6	Một số chỉ tiêu chất lượng tinh dịch gà Ri khai thác bằng phương pháp mát-xa	8	√	Tạp chí Khoa học và Phát triển. ISSN: 1859-0004		3	10(3): 433-437	2012
7	Seroprevalence of Neospora caninum in Swamp buffaloes and beef cattle in the North-east of Thailand	4	√	The Thai Journal of Veterinary Medicine. ISSN: 0125-6491	ISI (0,194; Q4)	8	42(2): 213-18	2012
8	Bone cell function a review	2	√	The Thai Journal of Veterinary Medicine. ISSN: 0125-6491	ISI (0,123; Q3)	6	43(3): 329-36	2013
9	Stimulatory effects of LILT on the healing of rabbit tibial defects	6	√	The Thai Journal of Veterinary Medicine. ISSN: 0125-6491	ISI (0,18; Q4)		44(4): 487-95	2014
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
10	Một số bệnh sinh sản thường gặp và kết quả điều trị bệnh viêm tử cung của lợn rừng trong điều kiện nuôi nhốt	4		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-0004			14(6):88 5-890	2016
11	Một số yếu tố ảnh hưởng tới tỷ	4		Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi			212:87-92	2016

	lệ viêm tử cung ở bò sữa			ISSN: 1859-476X				
12	Một số yếu tố liên quan tới viêm tử cung sau đẻ ở lợn nái	2	√	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-0004			14(5): 720-726	2016
13	Thành phần, số lượng và tính miễn cảm với kháng sinh của một số vi khuẩn hiếu khí phân lập từ dịch tử cung bò sữa	5		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-0004			14(9):1395-1401	2016
14	Một số yếu tố liên quan tới thời gian chảy sản dịch ở lợn nái	2	√	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-0004			15(10): 1332-1338	2017
15	Nghiên cứu một số chỉ tiêu sinh sản của giống chó H'Mong cộc đuôi nuôi tại phía Bắc Việt Nam	3		Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi ISSN: 1859-476X			222:94-98	2017
16	Ảnh hưởng của lứa đẻ đối với 1 số chỉ tiêu sinh sản ở lợn nái	2	√	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			328:74-78	2018
17	Application of silk fibroin in tissue engineering	2	√	Journal of Animal Husbandry Science and Technology ISSN: 1859-476X			235:66-73	2018
18	Biocompatibility and biodegradability of the silk fibroin	2	√	Journal of Animal Husbandry Science and Technology ISSN: 1859-476X			235:79-83	2018

19	Chăn nuôi bò sữa thời đại công nghệ	4		Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi ISSN: 1859-476X			237:39-45	2018
20	Một số yếu tố ảnh hưởng tới thời gian chảy sản dịch ở lợn nái	2	√	Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi ISSN: 1859-476X			237:59-65	2018
21	Một số yếu tố ảnh hưởng tới thời gian từ cai sữa đến phối giống ở lợn nái	1	√	Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi ISSN: 1859-476X			239:59-64	2018
22	Gây bệnh tiêu đường thực nghiệm trên chuột nhắt trắng bằng alloxan monohydrate và ứng dụng nacurgo điều trị vết thương	5	√	Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi ISSN: 1859-476X			241:81-86	2019
23	Ứng dụng công nghệ chỉnh sửa gen trong Nông-Sinh-Y	4		Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi ISSN: 1859-476X			243:95-100	2019
24	Ảnh hưởng của lứa đẻ và số con sơ sinh trên ổ đối với thời gian mang thai ở lợn nái	1	√	Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi ISSN: 1859-476X			243:52-58	2019
25	Yếu tố ảnh hưởng tới thân nhiệt lợn nái sau đẻ	1	√	Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi ISSN: 1859-476X			242:62-67	2019
26	Yếu tố ảnh hưởng tới thời gian đẻ của lợn nái	1	√	Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi ISSN: 1859-476X			242:72-77	2019
27	Ảnh hưởng của chảy sản dịch đối với tiêu chảy ở lợn con theo mẹ	1	√	Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi			245:51-55	2019

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

				ISSN: 1859-476X				
28	Effect of postparturient vaginal discharge on weaning to service interval, pregnancy rate and birth litter size in pigs	1	√	Journal of Animal Husbandry Science and Technology ISSN: 1859-476X			247:71-75	2019
29	Associated factors for farrowing duration in sows with natural farrowing in intensive conditions	2	√	World's Veterinary Journal ISSN: 2322-4568	Scopus (0,57; Q4)		10(3): 320-324	2020
30	Risk factors associated with stillbirth in swine farms in Vietnam	2	√	World's Veterinary Journal ISSN: 2322-4568	Scopus (0,57; Q4)		10(1): 74-79	2020
31	Risk factors associated with stillbirth of piglets born from oxytocin assisted parturitions	2	√	Veterinary World ISSN: 2231-0916	Scopus (2,11; Q1 (38/183))		13(10): 2172-2177	2020
32	Risk factors for prolonged postparturient vaginal discharge in sows	1	√	The Thai Journal of Veterinary Medicine. ISSN: 0125-6491	ISI (Q4, IF=0,281) Scopus (Q4, IF=0,409)		50(1): 45-51	2020
33	Sử dụng huyết tương điều trị bệnh viêm dạ dày ruột truyền nhiễm do vi-rút Parvo ở chó	6		Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi ISSN: 1859-476X			261:84-88	2020
34	Một số yếu tố ảnh hưởng tới chết lưu ở lợn	3	√	Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi ISSN: 1859-476X			261:66-71	2020

35	Global Prevalence of Chlamydial Infections in reptiles a systematic review and metaanalysis	4		VECTOR-BORNE AND ZOONOTIC DISEASES ISSN: 1530-3667	ISI (Q2, IF=2,133) Scopus (Q2, IF=2,535)	3	21(1):32-39	2021
36	An Overview of Drug Effects on Bone Healing on Animal Research Models	2	√	Vietnam Journal of Agricultural Sciences ISSN: 1859-0004			4(1): 978-988	2021
37	Global prevalence of chlamydial infections in birds A systematic review and meta-analysis	7		Preventive Veterinary Medicine ISSN: 01675877	ISI (Q1, IF=2,67) Scopus (Q1, IF=3,022)	8	192 (2021) 105370	2021
38	Non-infectious risk factors for intrapartum stillbirth in a swine farm in the North of Vietnam	2	√	Veterinary World SSN: 2231-0916	Scopus (1,98; Q1 (38/183))	1	14(7): 1829-1834.	2021
39	Risk factors associated with dystocia in swine	2	√	Veterinary World SSN: 2231-0916	Scopus (1,98; Q1 (38/183))	2	4(7): 1835-1839	2021
40	Skewness in the literature on infectious livestock diseases in an emerging economy – the case of Vietnam	7		Animal Health Research Reviews ISSN: 1466-2523	ISI (Q1, IF=2,615) Scopus (Q1, IF=2,074)	5	1–13	2021
41	Bacillus subtilis QST 713 supplementation during late gestation in gilts reduces stillbirth and increases	7	√	Veterinary Medicine International ISSN:	Scopus (Q2, IF=1,65)		2022(24 62241): 1-5	2022

	piglet birth weight							
42	Effect of oxytocin administration at different time points during parturition on the farrowing process in sows	2	√	Journal of Applied Animal Research ISSN: 09741844	ISI (IF=1,63) Scopus (Q2, IF=2,012)		51(1): 11 –16	2022
43	Effects of farrowing induction using cloprostenol on sow farrowing characteristics	3	√	Veterinary World SSN: 2231-0916	Scopus (Q1 (38/183), IF=1,984)		15(6): 1535–1540	2022
44	Factors influencing within-litter variation of birth weight and the incidence of runt piglets	2	√	South African Journal of Animal Sciences ISSN: 0375-1589	ISI (IF=1,055) Scopus (Q3, IF=1,158)		52(1): 1-7	2022
45	High stillbirth rate in a swine farm in Vietnam and its associated risk factors	2	√	JOURNAL OF ADVANCED VETERINARY AND ANIMAL RESEARCH ISSN: 23117710	Scopus (Q2, IF=1,908)	1	9(1): 13-18	2022
46	Incidence of dystocia at piglet level in cloprostenol-induced farrowings and associated risk factors	2	√	Archives of Animal Breeding ISSN: 0003-9438	ISI (IF=1,528) Scopus (Q2, IF=1,793)		65: 97–103	2022
47	Prediction of postpartum vaginal discharge duration in sows	3	√	World's Veterinary Journal ISSN: 2322-4568	Scopus (Q4, IF=0,373)		12(1): 60-65	2022
48	Protective efficacy of new-generation anticoccidial	6		Veterinary Parasitology ISSN: 0304-4017	Scopus (Q1, IF=3,034)	1	306:109724	2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	vaccine candidates against Eimeria infection in chickens: A meta-analysis of challenge trials							
49	Risk factors for intrapartum stillbirth in piglets born from cloprostenol-induced farrowing sows	2	√	Journal of Applied Animal Research ISSN: 09741844	ISI (IF=1,63) Scopus (Q2, IF=2,012)		50(1): 420–425	2022
50	Risk Factors for Prolonged Birth Interval in Modern Swine Farms in Vietnam	2	√	Tropical Animal Science Journal ISSN: 2615-790X	Scopus (Q2, IF=1,148)	2	45(2):173-178	2022
51	Mutual Relationship between Litter Size and Weaning to First Service Interval in the Sow	2	√	International Journal of Veterinary Science ISSN: 2304-3075	Scopus (Q2, IF=1,104)		12(5):672-675	2023
52	Effects of farrowing induction on some farrowing characteristics in the pig: a review	9	√	Annals of Animal Science/ ISSN: 1642-3402	Scopus (Q2, IF=2,52)		Published online 17/5/2023	2023

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **17 bài, thứ tự 29, 30, 31, 32, 38, 39, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 49, 50, 51, 52**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): KHÔNG

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): KHÔNG

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

KHÔNG

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): KHÔNG

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Hoài Nam